

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	924.719.977	945.204.971
Tiền gửi ngân hàng	1.227.779.596.649	1.876.998.527.104
Các khoản tương đương tiền	1.309.320.000.000	348.000.000.000
	2.538.024.316.626	2.225.943.732.075

2. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025 VND	31/3/2024 VND
Số dư đầu kỳ	(22.332.866.679)	(14.901.098.023)
Tăng dự phòng trong kỳ	(2.697.768.182)	(371.925.000)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	3.960.075.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	4.757.576
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(83.571.113)	(112.009.000)
Số dư cuối kỳ	(21.154.130.974)	(15.380.274.447)